TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIAO THỦY** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 110/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 15 - 12- 2023
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIAO THỦY, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông, Ông Ngọc Lễ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Ngọc Giao;

Bà Hoàng Thị Lan.

- Thư ký phiên toà: Bà Đặng Thị Ngoan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cao - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Giao Thủy xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 185/2023/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2023 về việc: "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 107/2023/QĐST-HNGĐ ngày 29 - 11 - 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị T, sinh năm 1976; địa chỉ: Xóm D, xã G, huyện G, tỉnh Nam Định "có mặt".

Bị đơn: Anh Trần Văn K, sinh năm 1974; địa chỉ: Xóm D, xã G, huyện G, tỉnh Nam Định "có mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai tại Toà án, nguyên đơn chị Lê Thị T trình bày: Chị và anh Trần Văn K tự nguyện tìm hiểu, được UBND xã G cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 26-7-1999. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống được khoảng hơn hai mươi năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh K chơi bời cờ bạc, ngoại tình và đã đánh đập xúc phạm chị, vợ chồng chung sống không hòa thuận, vợ chồng sống ly thân từ tháng 6 năm 2023. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng

không còn, không thể chung sống với nhau được nữa nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Văn K.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 07-11-2023, anh Trần Văn K trình bày: Thời gian và điều kiện kết hôn giữa anh và chị Lê Thị T, như chị T đã trình bày là đúng. Vợ chồng chung sống, đã phát sinh mâu thuẫn do chị T buôn hàng đa cấp, anh khuyên bảo chị T không nghe dẫn đến vợ chồng sống ly thân. Nay chị T xin ly hôn anh không nhất trí.

2. Về con chung: chị T khai vợ chồng có hai con chung là Trần Văn Á, sinh ngày 13-4-2000 và Trần Ngọc L, sinh ngày 12-8-2004. Nay các con đều đã trưởng thành. Anh K nhất trí với ý kiến của chị T khai về con.

Tại biên bản xác minh ngày 07-11-2023 chính quyền địa phương xã G cung cấp: Anh Trần Văn K và chị Lê Thị Tuyết đăng k kết hôn tại UBND xã G vào năm 1999. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng địa phương không lắm được; về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Trần Văn Á, sinh ngày 13-4-2000 và Trần Ngọc L, sinh ngày 12-8-2004; vợ chồng không vướng mắc gì về kinh tế đối với địa phương. Nay chị T có đơn ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; đề nghị Tòa án xử ly hôn giữa chị Lê Thị T và anh Trần Văn K. Căn cứ điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hôi khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí tòa án; đề nghị tuyên án phí đối với đương sự phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và lời khai của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị T và anh Trần Văn K tự nguyện tìm hiểu, được UBND xã G, huyện G, tỉnh Nam Định cấp giấy chứng nhân kết hôn vào năm 1999 là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do không hợp nhau, bất đồng quan điểm, hay xảy ra xo xát. Nay chị T xin ly hôn, còn anh K không nhất trí ly hôn, nhưng anh K không đưa ra được biện pháp nào để cải thiện tình cảm vợ chồng, nên đến nay vợ chồng vẫn ly thân mỗi người sống một cuộc sống riêng. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt. Vì

vậy, chấp nhận nguyện vọng của chị T xin ly hôn anh K là phù hợp điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về con: Vợ chồng có hai con chung là Trần Văn Á, sinh ngày 13-4-2000 và Trần Ngọc L, sinh ngày 12-8-2004. Hiện nay các con chung đều đã trưởng thành, nên không xem xét việc cấp dưỡng.

[3] Về tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

[4] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm; Chị T và anh K có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử ly hôn giữa chị Lê Thị T và anh Trần Văn K.

2. Về án phí: Chị Lê Thị T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền chị T đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu số 0001534 ngày 17-10-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giao Thủy (chị T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm).

4. Về quyền kháng cáo: Chị Lê Thị T và anh Trần Văn K có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- VKSND Huyện;
- Chi cục THADS Huyện;
- UBND xã Giao Nhân;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ông Ngọc Lễ